

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Mông Thị T, sinh năm: 1976.

Nơi ĐKKHKT: Xóm NA, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Ma Văn T, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Xóm NA, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Mông Thị T, sinh năm: 1976. Nơi ĐKKHKT: Xóm NA, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã

TD, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và anh Ma Văn T, sinh năm: 1974. Địa chỉ: Xóm NA, xã PT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Mông Thị T và anh Ma Văn T xác định vợ chồng có 02 con chung là Ma Duy B, sinh ngày 28/02/1996 và Ma Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2003. Khi ly hôn, chị Mông Thị T và anh Ma Văn T thống nhất thỏa thuận để anh Ma Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Ma Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2003 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị Mông Thị T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cháu B nay đã trưởng thành, lao động tự túc được. Khi ly hôn, chị T và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu B.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng, chị Mông Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Ma Thị Thùy D, sinh ngày 21/8/2003 với mức 500.000^d (năm trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành án ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.2. Về tài sản chung: Chị Mông Thị T và anh Ma Văn T xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.3. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Mông Thị T và anh Ma Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.4. Về công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị Mông Thị T và anh Ma Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng:

Chị Mông Thị T tự nguyện chịu 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 150.000^d (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0017965 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Mông Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (PKTNV);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Chi cục thi hành án huyện Đ;
- UBND xã TD;
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Trần Thiện Hoàng